

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 25 – 3 – 2021
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GD, TỈNH TN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Vĩ Lê.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trường Tam;

2. Ông Hồ Huy Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD, tỉnh TN tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Ngô Anh Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh TN xét xử công khai vụ án thụ lý số 38/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/02/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST – HNGĐ ngày 18/3/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị A, sinh năm: 1988.

Bị đơn: Anh Trương Công N, sinh năm: 1984.

Cùng địa chỉ: ấp PA, xã PT, huyện GD, tỉnh TN.

Chị A có đơn xin vắng mặt, anh N vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Thị A trình bày:

Chị và anh Trương Công N chung sống với nhau từ năm 2006, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu trước, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thạnh Bắc, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại gia đình cha mẹ của chị ngụ tại ấp PA, xã PT, huyện GD, tỉnh TN. Vợ

chồng sống hạnh phúc một thời gian đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh N không quan tâm chăm sóc vợ con, ham mê cờ bạc dẫn đến mắc nợ, chị nhiều lần bán tài sản gia đình để trả nợ cho anh N, nhưng đến nay anh N vẫn không từ bỏ, vì vậy vợ chồng thường cãi vã lẫn nhau, đến tháng 02 năm 2020 anh N tự bỏ nhà ra đi, chị có điện thoại thì anh N nói là anh đi làm ăn xa khoảng 02 đến 03 tháng anh N mới về nhà một lần, từ đó đến nay vợ chồng ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn cùng với anh N.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 (hai) con chung tên: Trương T, sinh ngày 29/5/2007 và Trương Thị N1, sinh ngày: 22/10/2009; hiện cả 02 con đang sinh sống cùng với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 (hai) con chung, chị không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lời khai ngày 29/01/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trương Công N trình bày: Anh và chị Phan Thị A chung sống như vợ chồng vào năm 2006, có đăng ký kết hôn. Anh thừa nhận trước đây anh có chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần vì vậy vợ giận, do cuộc sống khó khăn anh có bỏ vợ con và đi làm ăn xa lâu lâu về nhà thăm vợ con một lần như lời chị An trình bày là đúng; vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau do anh làm không có tiền. Nay chị An yêu cầu xin ly hôn cùng anh, anh không đồng ý ly hôn, vì anh còn thương vợ thương con, anh mong muốn gia đình được đoàn tụ.

Về con chung: Như chị An trình bày là đúng, vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Trương T, sinh ngày 29/5/2007 và Trương Thị N1, sinh ngày: 22/10/2009. Hiện các con đang sinh sống cùng với chị An. Nếu Tòa án cho ly hôn anh đồng ý giao con cả 02 con chung cho chị An tiếp tục nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án đến khi vào nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị A đối với anh Trương Công N theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Ghi nhận chị An và anh N thống nhất về con chung giao cho chị An được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 (hai) con chung tên: Trương T, sinh ngày 29/5/2007 và Trương Thị N1, sinh ngày: 22/10/2009; theo quy định tại Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị An không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn chị A có đơn xin vắng mặt; bị đơn anh N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Nên vụ án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị A và anh Trương Công N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị A và anh N phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh N thừa nhận trước đây anh có ham mê cờ bạc dẫn đến nợ nần, tự ý bỏ nhà ra đi, không quan tâm chăm sóc vợ con, chị A có khuyên nhiều lần nhưng anh N không từ bỏ. Vì vậy lỗi thuộc về anh N. Nay chị A yêu cầu được ly hôn cùng anh N, anh N không đồng ý ly hôn và xin đoàn tụ cùng chị A.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân của chị A và anh N không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được do lỗi của anh N không có sự quan tâm chăm sóc vợ con, bỏ nhà ra đi và ham mê cờ bạc; vợ chồng đã tự ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị A xin được ly hôn, anh N thì xin được đoàn tụ gia đình, nhưng anh N không có biện pháp gì để hàn gắn gia đình, trong khi Tòa án đã triệu tập hợp lệ, nhưng anh N không đến tham dự phiên tòa xét xử, chứng tỏ rằng anh N không có thiện chí đoàn tụ.

Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của chị A là có căn cứ phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A.

[2] Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Trương T, sinh ngày 29/5/2007 và Trương Thị N1, sinh ngày: 22/10/2009; chị An và anh N thống nhất giao con chung cho chị An tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cho chị An được tiếp tục nuôi dưỡng 02 (hai) con chung. Ghi nhận chị An không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị A phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 56, 81; 82 của Luật hôn nhân và Gia đình.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị A đối với anh Trương Công N.

Chị Phan Thị hứy A được ly hôn với anh Trương Công N.

Về con chung: Chị Phan Thị A được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 (hai) con chung tên Trương T, sinh ngày 29/5/2007 và Trương Thị N1, sinh ngày: 22/10/2009. Ghi nhận chị An không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

2. Án phí sơ thẩm: Chị Phan Thị A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Ghi nhận chị An đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0012750 ngày 25-01-2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện GD được khấu trừ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- CCTHADS huyện GD;
- UBND xã Mỹ Thạnh Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Văn Lê